TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 47/2020/DS-PT
Ngày 26 - 02 - 2020
V/v Đòi tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương
Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành
Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 527/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2019 về "*Đòi lại tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3347/2019/QĐ- PT ngày 02 tháng 12 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 512/2019/QĐ- PT ngày 25 tháng 12 năm 2019; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2020/QĐ- PT ngày 16 tháng 01 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2020/QĐ- PT ngày 14 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Hsu Chien C (còn gọi là Từ Tiền T), sinh năm: 1953 (vắng mặt);

Địa chỉ: 26/2 khóm 4, thôn L, xã T1, thành phố T2, lãnh thổ Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T3, sinh năm: 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 126 đường P, Phường 4, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số 59/25 đường số 10, hẻm V, phường T4, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bích T3: Ông Bùi Văn T5 (Văn bản ủy quyền ngày 13/02/2020) (có mặt)

Địa chỉ: 15 đường P1, phường P2, quận T6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*:

1/ Ông Lee Wang C1(Lee Wan C1– còn gọi Lý Vạn C2), sinh năm: 1968; Hộ khẩu thường trú: 119-4 thôn T7, khu N, thành phố Đ, Lãnh thổ Đài Loan. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã L1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị P3, sinh năm: 1975. (Văn bản ủy quyền lập ngày 06/11/2015) (có mặt)

Địa chỉ: Số 161A đường N1, phường L2, thành phố B1, tỉnh Lâm Đồng.

2/ Ông Tseng Teng L3(còn gọi là Tăng Đăng L4), sinh năm: 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ: Công ty TNHH Trà T8– Thôn 13, xã Đ1, thành phố B1, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc T9(Văn bản ủy quyền lập ngày 10/12/2019) (có mặt).

Địa chỉ: 102U, cư xá T10, Phường 27, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Tseng Teng L3: Ông Phạm Ngọc H là Luật sư của Văn phòng luật sư Phạm H1thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1/ Công ty TNHH Trà T8.

Địa chỉ: Thôn 13, xã Đ1, thành phố B1, tỉnh Lâm Đồng.

Chủ sở hữu tài sản của Công ty TNHH Trà T8: Ông Tseng Teng L3, sinh năm: 1964.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc T9 (Văn bản ủy quyền lập ngày 10/12/2019) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Trà T8: Ông Phạm Ngọc H là Luật sư của Văn phòng luật sư Phạm H1thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2/ Vợ chồng ông Hồ Việt P4, sinh năm: 1971 (có mặt).

Bà Nguyễn Thị Thúy P5, sinh năm: 1973 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền cho bà P5: ông Hồ Việt P4, sinh năm: 1971. (Văn bản ủy quyền lập ngày 01/8/2018) (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 124A, đường T11, Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số 58A đường N2, xã L5, thành phố B1, tỉnh Lâm Đồng.

3/ Bà Lưu Yến N3, sinh năm: 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã L1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Chổ ở hiện nay: Ấp Ông T12, xã L6, huyện N4, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị P3, sinh năm: 1975. (Văn bản ủy quyền lập ngày 09/7/2019) (có mặt).

Địa chỉ: Số 161A đường N1, phường L2, thành phố B1, tỉnh Lâm Đồng.

4/ Quỹ tín dụng nhân dân Phường 2, thành phố B1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc H2.

Chức vụ: Chủ tịch Quỹ tín dụng nhân dân Phường 2, thành phố B1, tỉnh Lâm Đồng. (xin xét xử vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Viết T13, sinh năm: 1984;

Chức vụ: Chuyên viên tín dụng - Quỹ tín dụng nhân dân Phường 2, thành phố B1, tỉnh Lâm Đồng.

5/ Văn phòng công chứng Đỗ Hữu S.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hữu S – Trưởng văn phòng (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 91/25 đường H3, Phường 1, thành phố B1, tỉnh Lâm Đồng.

- Người kháng cáo: Ông Lee Wang C1(Lee Wan C1– còn gọi Lý Vạn C2) và ông Tseng Teng L3(còn gọi là Tăng Đăng L4) là bị đơn; Bà Lưu Yến N3; ông Hồ Việt P4 và bà Nguyễn Thị Thúy P5; Công ty TNHH Trà T8 là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2015 và ngày 13/11/2015 của nguyên đơn ông Hsu Chien C cũng như lời trình bày của bà Nguyễn Thị Bích T3 là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn thì:

Ông Hsu Chien C quen với ông Lee Wang C1(Lee Wan C1– còn gọi Lý Vạn C2) qua giới thiệu của bạn bè. Lúc đó ông C1 tự giới thiệu là đang đầu tư kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp trồng và chế biến trà tại Việt Nam và mời gọi ông C đầu tư vốn để trồng và chế biến trà o long tại huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Sau đó, ông C1 có thuyết phục ông C đầu tư vốn để làm nông trại trồng trà, xây dựng nhà xưởng, trang thiết bị, máy móc, thành lập công ty phục vụ cho công việc kinh doanh vườn trà và cà phê tại huyện B. Do đó, ông C đã đồng ý và chuyển tiền từ Đài Loan vào Việt Nam từ ngày 13/4/2011 đến ngày 25/4/2012 vào tài khoản ông Lee Wan C1và ông Tseng Teng L3 là 2.850.000.USD tại

Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Indovina chi nhánh Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể:

Ngày 23/5/2011 gửi 150.000 USD; ngày 24/5/2011 gửi 150.000 USD; ngày 04/7/2011 gửi 200.000 USD; ngày 05/7/2011 gửi 150.000 USD vào tài khoản số 671235001 của ông Tseng Teng L3 mở tại Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Indovina chi nhánh Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 21/3/2012 gửi 100.000USD; ngày 28/7/2011 gửi 200.000 USD vào tài khoản số 6272156 của ông Hsu Chien C; ngày 13/4/2011 gửi 200.000 USD gửi vào tài khoản số 6259774001 của ông Lee Wang C1(Lee Wan C1– còn gọi Lý Vạn C2).

Ngày 25/4/2012 gửi 200.000 USD; ngày 03/11/2011 gửi 200.000 USD; ngày 21/3/2012 gửi 100.000 USD; ngày 02/11/2011 gửi 300.000 USD; ngày 29/7/2011 gửi 200.000 USD; ngày 21/7/2011 gửi 100.000 USD; ngày 19/7/2011 gửi 100.000 USD; ngày 18/7/2011 gửi 100.000 USD; ngày 25/7/2011 gửi 100.000 USD; ngày 27/7/2011 gửi 100.000 USD; ngày 29/7/2011 gửi 100.000 USD; ngày 03/8/2011 gửi 100.000 USD; ngày 20/7/2011 gửi 100.000 USD vào tài khoản số 6272156 của ông Hsu Chien C.

Mục đích gửi tiền vào tài khoản là để đầu tư xây dựng nhà xưởng, mua đất để trồng trà, cà phê tại huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Sau nhiều lần thúc hối ông C1giao giấy tờ đất đai đã mua và thành lập Công ty TNHH Trà M(viết tắt là Công ty M). Đến giữa tháng 3/2012, ông C1đến nhà ông C giao ra 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở Việt Nam cho 02 lô đất trồng trà nhưng ông C chỉ giữ lại bản coppy còn bản gốc giao lại cho ông C1với lý do cần làm giấy tờ chuyển tên cho ông C. Nhưng sau nhiều lần hối thúc thì ông C1vẫn không giao nên ông khởi kiện ra Tòa án tại Đài Loan. Qua xác minh thì 02 giấy chứng nhận mà ông C1đưa cho ông C bản coppy do UBND huyện B cấp cho công ty V1 và bà Phạm Thị T14, chứ không phải cấp cho Công ty M hoặc cấp cho cá nhân ông Hsu Chien C, ông Lee Wan C1và hiện nay Công ty M đã ngừng hoạt động từ tháng 5/2013.

Nay ông C khởi kiện yêu cầu: ông Lee Wang C1(Lee Wan C1– còn gọi Lý Vạn C2), bà Lưu Yến N3 phải trả lại cho ông Hsu Chien C 2.202.200 USD tạm tính giá USD tính đến ngày 14/12/2016 là 22.750 đồng/USD x 2.202.200 USD = 50.100.050.000 đồng (Năm mươi tỷ, một trăm triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) hoặc giao toàn bộ tài sản là nhà đất, máy móc thiết bị Công ty TNHH Trà M là 6.557.503.000 đồng trong đó quyền sử dụng đất là 875.790.000 đồng; công trình xây dựng là 5.462.844.810 đồng; máy thiết bị là 218.868.000 đồng và quyền sử dụng đất thuộc thửa 319 (tách từ thửa 79), tờ bản đồ số

G.159.I.A tại khu 5 phường B'Lao, thành phố B1 là 118.800.000 đồng. Tổng là 6.676.303.000 đồng nên bị đơn ông C1, bà N3 phải trả tiếp cho ông C số tiền còn thiếu tạm tính đến ngày 14/12/2016 là 43.423.747.000 đồng.

Đối với ông Tseng Teng L3 thì yêu cầu ông L3 phải trả 650.000 USD tương đương 14.787.500.000 đồng (tạm tính đến ngày 14/12/2016) hoặc ông L3 phải giao toàn bộ tài sản của ông L3 tại Công ty TNHH Trà T8 trị giá 8.201.339.000 đồng cho nguyên đơn vì ông C cho rằng việc ông L3 nhận số tiền 650.000 USD là để đầu tư mua máy móc, thiết bị và làm nhà xưởng chế biến trà olong tại Công ty TNHH Trà T8 và thanh toán số tiền còn thiếu tạm tính đến ngày 14/12/2016 là 6.586.161.000 đồng.

Ông Lee Wang C1(Lee Wan C1– còn gọi Lý Vạn C2) trình bày:

Ông thừa nhận ông C có gửi tiền số tiền 2.200.000 USD qua Việt Nam và ông có nhận toàn bộ số tiền trên để đầu tư làm nhà xưởng, mua 85ha đất ở huyện B, tỉnh Lâm Đồng và nhà ở công ty cho công nhân. Việc mua đất và làm nhà xưởng chế biến trà olong là do ông C1 trực tiếp thực hiện bằng nguồn vốn do ông C chuyển qua Việt Nam; hiện nay đất trồng trà, cà phê đã chết nên bị một số dân tộc lấn chiếm. Nay ông cũng đồng ý trả lại toàn bộ diện tích 85 ha đất ở huyện B và toàn bộ nhà xưởng đã xây dựng cho ông Hsu Chien C.

Theo bản tự khai ngày 03/9/2015 (BL84) ông Lee Wang C1(Lee Wan C1– còn gọi Lý Vạn C2) trình bày:

Qua đơn khởi kiện của ông C yêu cầu ông trả số tiền 2.850.000 USD 61.750.000.000 đồng thì ông không đồng ý vì trong số tiền này ông C1chỉ thực nhận 2.200.000 USD, còn số tiền 650.000 USD là do ông C chuyển vào tài khoản của ông Tseng Teng L3 và việc ông L3 sử dụng số tiền này như thế nào thì ông không biết. Còn số tiền 2.200.000 USD ông C chuyển qua Việt Nam và ông rút tiền ra dùng để đầu tư tại tỉnh Lâm Đồng bao gồm nhà cửa và đất tại xã L1 và xã Lộc Bảo huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Ông không dùng tiền của ông C vào mục đích cá nhân của ông.

Theo bản tự khai của ông Lee Wang C1(Lee Wan C1– còn gọi Lý Vạn C2) do bà Hồ Thị P3 là người đại diện theo ủy quyền cho ông C1 viết thay, có bà Lưu Yến N3 là vợ ông C 1đồng thời là người phiên dịch cho ông C1 xác nhận (BL 435) thể hiện:

Do quan hệ bạn bè với nhau tại Đài Loan từ nhiều năm ông C rất tin tưởng nên qua Việt Nam làm ăn. Tuy nhiên, ông C1 không có vốn nên thỏa thuận là ông C1sẽ là người trực tiếp quản lý ở Việt Nam thay vì trả lương sẽ ăn chia 20% thành quả, vốn thì ông Hsu Chien C đầu tư 100%. Bắt đầu làm ăn từ năm 2011, ông Hsu Chien C và ông chỉ thỏa thuận miệng, hoàn toàn không có

giấy tờ gì cả. Ông C ký giấy ủy quyền cho ông C1 nhận tiền nhiều lần để đầu tư mua đất trồng trà và làm nhà xưởng tại huyện B.

Bà Lưu Yến N3 trình bày:

Bà và ông Lee Wang C1(Lee Wan C1– còn gọi Lý Vạn C2) sống chung như vợ chồng từ năm 2000, trong quá trình chung sống chúng tôi có 01 con chung là cháu L7, sinh năm 2005. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Nguồn gốc thửa đất số 921, tờ bản đồ số 10 tại thôn 5, xã L1, huyện B do trước đây bà và ông Lee Wang C1(Lee Wan C1– còn gọi Lý Vạn C2) mua của vợ chồng ông Đinh Văn Đ2, bà Đào Thị T15 diện tích gần 03 sào, với giá 1.200.000.000 đồng, có hợp đồng sang nhượng đất giữa ông Đ2, bà T15(do bà Phạm Thị Mỹ H2) với bên nhận sang nhượng là ông Hsu Chien C ngày 12/7/2011. Vì bà H2 là kế toán trưởng của Công ty TNHH Trà M nên ông bà đưa tiền cho bà H2 đưa về cho ông Đ2, bà T15. Lần 01 ông Hsu Chien C đưa cho bà H2 600.000.000 đồng theo hợp đồng sang nhượng, lần 02 bà đưa cho bà H2 600.000.000 đồng. Khi đưa tiền thì không làm giấy tờ gì. Sau khi mua đất xong thì ông bà nhận đất thì đến năm 2012 xây dựng nhà như hiện nay trong đó một nữa nhà của bà thuộc thửa đất số 921, tờ bản đồ số 10 tại thôn 5, xã L1, huyện B theo sổ đỏ do UBND huyện B cấp ngày 21/8/2012 và một nữa là của Công ty TNHH Trà M là thửa 920 do ông Hsu Chien C làm giám đốc.

Ngày 29/7/2011, ông Hsu Chien C có làm giấy tặng cho kỉ niệm cho bà một nữa căn nhà, giấy này ông C yêu cầu bà viết và đọc lại cho cho ông C ký. Đất là mua chung còn nhà thì ông C tặng cho bà do tiền xây ông C bỏ ra xây dựng. Nửa căn nhà mà ông C tặng cho bà là nằm trong cùng một khối với căn nhà của Công ty TNHH Trà M, nhưng có hai cầu thang khác nhau. Khoảng năm 2012, bà đi làm hồ sơ sang tên và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ký hiệu số BL 121677 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 21/08/2012 gồm thửa đất số 921, tờ bản đồ số 10 tại thôn 5, xã L1, huyện B diện tích 218m^2 đất ở và 324m^2 đất nông nghiệp, trên đất có nhà cấp 3 diện tích sàn 612m^2, diện tích xây dựng là 204m^2.

Ngày 15/6/2016, bà đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ký hiệu số BL 121677 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 21/08/2012 tại Quỹ tín dụng nhân dân Phường 2, thành phố B1 để vay số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 16/6/2016 đến ngày 16/6/2017, lãi trả đến ngày 15/12/2016.

Đến nay, bà chưa trả được khoản tiền gốc nào, còn nợ lãi thì bà đã trả được đến hết ngày 15/12/2016. Tài sản này là tài sản riêng của bà và bà được quyền thế chấp vay tiền không L3ên quan đến ông Lý Vạn C2 và cũng không

L3ên quan đến việc ông Hsu Chien C kiện ông Lee Wang C1(Lee Wan C1– còn gọi Lý Vạn C2).

Theo bản tự khai của ông Tseng Teng L3 ngày 09/11/2015 (BL 311), ông L3 trình bày thì:

Vào năm 2011, ông L3 và ông Hsu Chien C có gặp nhau tại Việt Nam, lúc đó ông L3 có mở tài khoản số 6271235001 tại Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Indovina chi nhánh Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Ngân hàng Indovina), ông C có mượn tài khoản của ông L3 để gia đình ông C chuyển tiền từ Đài Bắc sang Việt Nam cho ông C, cụ thể:

Lần 01: ngày 23/5/2011 là 150.000 USD;

Lần 02: ngày 24/5/2011 là 150.000 USD;

Tất cả 02 lần trên ông rút tiền và giao cho ông C tại Ngân hàng.

Lần 03: ngày 04/7/2011 là 200.000 USD;

Lần 04: ngày 05/7/2011 là 150.000 USD;

Lần 03, 04 thì ông nhận tiền và giao cho ông C tại huyện B.

Toàn bộ số tiền 650.000 USD sau khi rút ra ông đều đưa lại cho ông C với tư cách là người mượn tài khoản để chuyển tiền nên không có giấy tờ gì và các ông hoàn toàn không vay mượn gì của nhau. Từ đó đến nay các ông không L3ên lạc gì với nhau.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 09/11/2015; ngày 26/11/2015 (BL 315-316, 317-318) ông Tseng Teng L3 cũng thừa nhận ông C có nhờ tài khoản số 6271235001 của ông L3 để ông C, vợ của ông C, người nhà ông C chuyển tiền sang Việt Nam cho ông C số tiền 650.000 USD thông qua tài khoản của ông L3 tại Ngân hàng Indovina chi nhánh quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Và tất cả số tiền này ông L3 rút ra và đưa hết cho ông C nhưng khi đưa tiền thì hai bên không lập giấy tờ gì.

Hiện nay ông L3 có mặt tại Việt Nam là vì ông L3 đang đầu tư kinh doanh chế biến trà olong và giữ chức vụ giám đốc đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Trà T8 tại thôn 13, xã Đạm B'ri, thành phố B1 theo giấy chứng nhận đầu tư số 421043000756 ngày 16/5/2011 do Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp. Thời hạn hoạt động là 30 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận. Công ty TNHH Trà T8 là do gia đình ông đầu tư thuê đất theo Hợp đồng thuê đất số 46/HĐ-TĐ ngày 04/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng với giá đất phi nông nghiệp có mái che là 4.158đồng/m^2/năm; và công trình không có mái che là 3.118,5đồng/m^2/năm. Theo đó, Công ty TNHH Trà T8 do ông Tseng

Teng L3 làm đại diện theo pháp luật được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ký hiệu số BI 583919 ngày 15/5/2012 diện tích 7.574m^2, thời hạn sử dụng đến ngày 05/8/2034, trả tiền thuê hàng năm.

Theo đơn yêu tiếp tục thực hiện hợp đồng của ông Hồ Việt P4 đề ngày 10/12/2015 (BL 405), ông P4 trình bày:

Ông Lee Wang C1(Lee Wan C1– còn gọi Lý Vạn C2) là người làm công cho ông Hsu Chien C. Các giao dịch mua bán trước đã là đầu tư giùm cho ông C. Qua bàn bạc thống nhất với ông C1 thì hai bên đã thỏa thuận về việc tổn thất và về số tiền chưa thanh toán do hợp tác làm ăn không thực hiện, cũng như việc tiếp tục thực hiện hợp đồng. Ông P4 yêu cầu ông Lee Wang C1(Lee Wan C1– còn gọi Lý Vạn C2) phải bồi thường cho ông P 47.554.000.000đồng do chậm trễ không thực hiện cam kết. Ông sẽ tiếp tục thực hiện các hợp đồng và tiến hành các thủ tục còn lại khi ông C1 thanh toán phần tiền còn lại 150.000USD và 500.000.000đồng.

Tuy nhiên, ngày 06/01/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã gửi thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho ông P4 và ông P4 xác nhận đã nhận được phiếu báo nhưng ông P4 không có tiền nộp tạm ứng án phí theo quy định.

Theo đơn yêu cầu độc lập của ông Hồ Việt P4 thì:

Ông yêu cầu ông Hsu Chien C giao trả lại nhà đất thuộc thửa 920, tờ bản đồ số 10 tại thôn 7, xã L1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng diện tích 2.367m^2. Toàn bộ tài sản này ông đã nhận nhưng về mặt pháp lý thì chưa xong nên ông yêu cầu ông Hsu Chien C phải hoàn tất thủ tục pháp lý sang tên cho ông.

Đại diện theo ủy quyền của Quỹ tín dụng nhân dân Phường 2, thành phố B1 trình bày:

Ngày 15/6/2016, bà Lưu Yến N3 có vay của Quỹ tín dụng nhân dân Phường 2, thành phố B1 số tiền 800.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2182-k4/16, thời hạn vay 12 tháng. Bà N3 có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ký hiệu BL 121677 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà N3 ngày 21/8/2012 diện tích 542m^2 thuộc thửa 921, tờ bản đồ số 10 tại thôn 5, xã L1, huyện B (*trên đất có nhà cấp 3 diện tích sử dụng 612m^2, diện tích xây dựng là 204m^2; đất ở diện tích 218m^2, đất nông nghiệp diện tích 324m^2).*

Khi đến hạn bà N3 không trả được nợ, khoản vay của bà N3 chuyển sang nợ quá hạn ngày 26/6/2017.

Đến ngày 25/9/2017, do không có khả năng chi trả nợ nên bà N3 và Quỹ tín dụng nhân dân Phường 2, thành phố B1 đã thống nhất bà N3 giao toàn bộ tài sản nêu trên cho Quỹ tín dụng nhân dân Phường 2, thành phố B1 bán để thu hồi nợ, hai bên thống nhất giá bán là 1.300.000.000 đồng.

Vì hồ sơ bà N3vay vốn đứng tên một mình, tài sản thế chấp là của riêng bà N3 không L3ên quan đến người nào khác, tại thời điểm vay thì bà N3 có giấy chứng nhận độc thân do UBND xã L1, huyện B ký ngày 11/01/2016. Về tài sản thế chấp đứng tên một mình bà N3, có văn bản cam kết tài sản riêng của bà N3 được chứng thực ngày 27/5/2016 tại Phòng công chứng L8. Tại thời điểm thế chấp thì tài sản trên không bị tranh chấp hay kê biên để thực hiện nghĩa vụ.

Ngày 28/9/2017, bà N3, Quỹ tín dụng nhân dân Phường 2, thành phố B1; ông Trần Văn H4 đã lập biên bản thỏa thuận với nội dung bên vay (bà N3) đồng ý thỏa thuận cho Quỹ tín dụng nhân dân Phường 2, thành phố B1 bán tài sản trực tiếp cho người mua là ông Trần Văn H4 với giá 1.300.000.000 đồng, trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân phường 2 là 800.000.000 đồng, lãi đến hết ngày 28/9/2017 là 84.360.000 đồng; số tiền bán tài sản thế chấp còn lại là 415.640.000 đồng Quỹ tín dụng nhân dân phường 2 hoàn lại cho người vay bà N3.

Ngày 29/9/2017, ông Nguyễn Văn T16 đại diện của Quỹ tín dụng nhân dân Phường 2, thành phố B1; vợ chồng ông Trần Văn H4, bà Nguyễn Nguyệt M1(là người nhận chuyển nhượng tài sản trên) đã đến Văn phòng công chứng Đỗ Hữu S – Địa chỉ: Số 91/25 H3, Phường 1, thành phố B1, tỉnh Lâm Đồng lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; giá chuyển nhượng là 1.300.000.000 đồng.

Do vậy, việc vay và xử lý tài sản của Quỹ tín dụng nhân dân Phường 2, thành phố B1 là đúng pháp luật, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Ông Đỗ Hữu S là người đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng Đỗ Hữu S trình bày:

Ngày 29/9/2017, văn phòng công chứng Đỗ Hữu S có chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà Lưu Yến N3 (Đại diện là Quỹ tín dụng nhân dân Phường 2, thành phố B1 do ông Nguyễn Văn T16 đại diện theo giấy ủy quyền lập ngày 28/9/2017).

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1252 được công chứng ngày 15/6/2016, Hợp đồng tín dụng số 2182-k4/16, văn bản thỏa thuận về việc xử lý tài sản thế chấp giữa Quỹ tín dụng nhân dân Phường 2, thành phố B1 với bà Lưu Yến N3.

Bên nhận chuyển nhượng là vợ chồng ông Trần Văn H4, bà Nguyễn Nguyệt M1– Địa chỉ: thôn H5, xã P6, tỉnh Phú Yên.

Hai bên đã thỏa thuận chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ký hiệu BL 121677 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà N3 ngày 21/8/2012 diện tích 542m^2 thuộc thửa 921, tờ bản đồ số 10 tại thôn 5, xã L1, huyện B (*mục đích sử dụng đất 218m^2 đất ở nông thôn, diện tích 342m^2 đất trồng cây lâu năm; tài sản trên đất có nhà cấp 3 diện tích sử dụng 612m^2, diện tích xây dựng là 204m^2);* giá chuyển nhượng là 1.300.000.000 đồng. Tại thời điểm công chứng tài sản trên không bị ngăn chặn. Số công chứng 3990, quyển số 51/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/9/2017.

Việc công chứng trên đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Ông cam đoan và chịu trách nhiệm với những lời khai và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Bích T3 (là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông Lee Wang C1(Lee Wan C1– còn gọi Lý Vạn C2), bà Lưu Yến N3 phải trả lại cho ông Hsu Chien C 2.200.000 USD (Đô la Mỹ) và yêu cầu ông Tseng Teng L3 phải trả cho ông C số tiền 650.000 USD (Đô la Mỹ).

Bà P3 là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông C1cũng như bà Lưu Yến N3 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Bá Q là người đại diện theo ủy quyền cho Công ty TNHH Trà T8 cũng như luật sư H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời đề nghị hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời mà Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã áp dụng đối với Công ty TNHH Trà T8.

Ông Hồ Việt P4 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu độc lập của ông và bà P5 là buộc nguyên đơn ông Hsu Chien C (còn gọi là Từ Tiền T) làm thủ tục sang tên và giao trả lại toàn bộ diện tích đất 2.367m^2 và nhà 03 tầng trên đất diện tích xây dựng 204m^2, diện tích sàn 672m^2 thuộc thửa 920, tờ bản đồ số 10 tại thôn 7, xã L1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng cho vợ chồng ông P4, bà P5.

Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hsu Chien C (còn gọi là Từ Tiền T) về việc kiện: "*Đòi tài sản*" với ông Lee Wang C1(Lee Wan

C1– còn gọi Lý Vạn C2), bà Lưu Yến N3; ông Tseng Teng L3(còn gọi là Tăng Đăng L4).

- Buộc bị đơn ông Lee Wang C1(Lee Wan C1– còn gọi Lý Vạn C2) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Yến N3 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Hsu Chien C (còn gọi là Từ Tiền T) số tiền 2.200.000USD (Đô la Mỹ) tương đương 51.444.800.000đồng *(Năm mươi mốt tỷ bốn trăm bốn mươi bốn triệu, tám trăm ngàn đồng).*

- Buộc bị đơn ông Tseng Teng L3(còn gọi là Tăng Đăng L4) phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Hsu Chien C (còn gọi là Từ Tiền T) số tiền 650.000USD (Đô la Mỹ) tương đương 15.199.600.000đồng *(Mười lăm tỷ, một trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm ngàn đồng).*

"Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự".

2/ Bác toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Hồ Việt P4, bà Nguyễn Thị Thúy P5 về việc yêu cầu nguyên đơn ông Hsu Chien C (còn gọi là Từ Tiền T) hoàn tất thủ tục sang tên và giao trả lại toàn bộ diện tích đất 2.367m^2 và nhà 03 tầng trên đất diện tích xây dựng 204m^2, diện tích sàn 672m^2 thuộc thửa 920, tờ bản đồ số 10 tại thôn 7, xã L1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng *(trị giá tài sản là 6.338.634.810 đồng).*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 11/6/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng có văn bản số 332/QĐKNPT- VKS-DS kháng nghị bản án sơ thẩm.

Ngày 11/6/2019, Ông Lee Wang C1(Lee Wan C1– còn gọi Lý Vạn C2) kháng cáo không đồng ý trả cho ông Hsu Chien C số tiền 2.200.000USD (Đô la Mỹ) tương đương 51,5 tỷ đồng.

Ngày 11/6/2019, bà Lưu Yến N3 kháng cáo không đồng ý việc Tòa án buộc bà cùng có trách nhiệm với ông Lee Wang C1 trả cho ông Hsu Chien C số tiền 2.200.000USD (Đô la Mỹ) tương đương 51,5 tỷ đồng.

Ngày 12/6/2019, ông Hồ Việt P4 và bà Nguyễn Thị Thúy P5, ông Tseng Teng L3, Công ty TNHH Trà T8 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng; người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Tseng Teng L3 và Công ty TNHH Trà T8 trình bày:

Ngày 12/6/2015 ông Từ Tiền T (Hsu Chien C) khởi kiện ông Lý Vạn C2

(Lee Wan Ching) yêu cầu ông Lý Vạn C2 (Lee Wan Ching) trả lại cho ông Từ Tiền T (Hsu Chien C) số tiền 2.850.000 USD. Ngày 13/11/2015 ông Từ Tiền T (Hsu Chien C) khởi kiện ông Tăng Đăng L4 (Tseng Teng L3) yêu cầu ông Tăng Đăng L4 (Tseng Teng L3) trả lại cho ông Từ Tiền T (Hsu Chien C) số tiền 650.000 USD.((Bút lục 287-291) Ông Từ Tiền T (Hsu Chien C) ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Bích T3 theo giấy ủy quyền ngày 13/11/2015 và được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 17/11/2015. Vụ kiện đã được Tòa Án nhân dân tỉnh Lâm đồng thụ lý bổ sung ngày 26/11/2015 (Bút lục 292).

Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã thông báo đưa vụ án ra xét xử theo quyết định số 3347/2019/QĐPT-DS ngày 02/12/2019. Ngày xét xử là 25/12/2019 , Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông Từ Tiền T (Hsu Chien C) và bà Nguyễn Thị Bích T3 vắng mặt, bà Nguyễn Thị Bích T3 có đơn xin hoãn phiên tòa. Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử lần 2 vào ngày 14/02/2020. Thông báo triệu tập hợp lệ nhưng ông Từ Tiền T (Hsu Chien C) và bà Nguyễn Thị Bích T3 tiếp tục vắng mặt. Bà Nguyễn Thị Bích T3 có giấy ủy quyền số công chứng 2168 ngày 13/02/2020 cho ông Bùi Văn T5 với nội dung: *"Ông Bùi Văn T5 được thay mặt tôi thực hiện những hành vi sau đây: nội dung ủy quyền hoàn toàn giống nội dung Văn bản ủy quyền số 10320364 ngày* 13/3/2014 *đã được Hợp pháp hóa lãnh sự số 489"*. Theo nội duns ủy quyền nói trên, ông Bùi Văn T5 chỉ được ủy quyền lại trong vụ ông Từ Tiền T (Hsu Chien C) khởi kiện ông Lý Vạn C2 (Lee Wan Ching) chứ ông Bùi Văn T5 không được ủy quyền đối với vụ ông Từ Tiền T (Hsu Chien C) khởi kiện ông Tăng Đăng L4 (Tseng Teng L3) theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2015. Bà T3 không có mặt trong vụ kiện 03 lần. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ vụ kiện nguyên đơn đòi ông L3 trả 650.000 USD.

Án sơ thẩm có vi phạm tố tụng. Hành vi chuyển tiền của ông Từ Tiền T (Hsu Chien C) vào Việt Nam để ông Lý Vạn C2 (Lee Wan Ching) mua đất đai thực hiện Dự án đầu tư là hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam về quản lý ngoại hối và đầu tư, chuyển tiền không thông qua tổ chức tín dụng hợp pháp tại Việt Nam, chuyển tiền thông qua ông C2 và ông L3. Hành vi chuyển tiền của ông Từ Tiền T (Hsu Chien C) là hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam, không được bảo vệ bởi pháp luật Việt Nam. Việc chuyển ngân lậu vào Việt Nam để mua đất của ông Từ Tiền T (Hsu Chien C) là hành vi phạm pháp nên không có quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ mình. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết bảo vệ cho một hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam trong trường hợp này là không đúng và đi ngược lại các quy tắc cơ bản của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên tòa xét xử ngày 24/01/2019 và ngày 26/4/2019 bà Nguyễn Thị Bích T3 vắng mặt không lý do nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ vụ án. Ông L3 không nhận được triệu tập hợp lệ mà Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử là vi phạm tố tụng.

Ngày 17/12/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã ra quyết định số 23/2015/QD- BPKKTT áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: "Cấm chuyển dịch về Quyền tài sản đối với tài sản đang tranh chấp; Kê biên tài sản đang tranh

chấp" và ký văn bản số 22/2017/TA- DS ngày 03/01/2017 gửi các cơ quan nhà nước tỉnh Lâm Đồng đề nghị các cơ quan liên quan không cho Công ty Trà T8 chuyển nhượng Quyền cho thuê lại đối với diện tích 7574 m^2 tại Thôn 13, xã Đạm B'ri, Tp. B1. Cơ quan thi hành án đã kê biên và cấm chuyển dịch toàn bộ tài sản của Công ty TNHH Trà T8. Ngày 29/5/2019 Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời nhưng không giao quyết định thay đổi này cho Công ty TNHH Trà T8 và ông Tăng Đăng L4 (Tseng Teng L3). Mãi đến khi Luật sư đọc hồ sơ vào ngày 06/02/2020, Luật sư mới phát hiện có Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2019/QĐ-BPKCTT ngày 29/05/2019 của Tòa án nhân dân Tỉnh Lâm Đồng. Công ty TNHH Trà T8 và ông Tăng Đăng L4 (Tseng Teng L3) hoàn toàn không biết đến Quyết định này cũng như các Cơ quan Thi hành án cũng không thi hành quyết định này đối với Công ty TNHH Trà T8. Những biện pháp khẩn cấp tạm thời trên là không đúng quy định của pháp luật vì: Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xem tài sản của Công ty Trà T8 là tài sản đang tranh chấp để áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời kê biên tài sản tranh chấp và cấm chuyển dịch tài sản đang tranh chấp, phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ của nguyên đơn là áp dụng không đúng quy định của pháp luật và làm ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích của Công ty TNHH Trà T8.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Hủy một phần án tuyên có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Từ Tiền T (Hsu Chien C) đối với ông Tăng Đăng L4 (Tseng Teng L3), đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đối với yêu cầu khởi kiện của ông Từ Tiền T (Hsu Chien C) yêu cầu ông Tăng Đăng L4 (Tseng Teng L3) trả lại 650.000 USD. Hủy bỏ toàn bộ các biện pháp khẩn cấp tạm thời đang áp dụng đối với tài sản của Công ty TNHH Trà T8.

Bà P3 đại diện ông C2 trình bày: Nguyên đơn đầu tư tiền để ông C2 thành lập công ty. Ông C2 chỉ là người làm công. Công ty được thành lập do nguyên đơn đứng tên và đại diện theo pháp luật, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông P4 trình bày: Đề nghị hủy toàn bộ các biện pháp khẩn cấp tạm thời, giám định chữ ký của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Bà P3 đại diện bà N3 trình bày: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà N3 cùng có trách nhiệm trả tiền cho nguyên đơn. Nguyên đơn không có khởi kiện bà N3. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hiện nay, bà N3 đã kết hôn, có cuộc sống độc lập.

Ông T5 đại diện nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn có đầu tư vốn cho ông C2. Ông L3 có dùng tiền 650.000 USD của nguyên đơn để đầu tư xây dựng, mua máy móc, thuê đất. Ông C2 không có mua đất, đề nghị y án sơ thẩm.

Bà P3 trình bày: Có hợp đồng mua đất 85 ha, nhưng sau đó nguyên đơn bỏ về nước nên bị đồng bào dân tộc lấn chiếm lại. Tòa án cấp sơ thẩm có xác minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Tseng Teng L3 và Công ty TNHH Trà T8 trình bày: Nguyên đơn trình bày không có cơ sở, không có gì chứng minh ông L3 nhận tiền của nguyên đơn để thuê đất. Bà T3 đại diện nguyên đơn tại Tòa án cấp sơ thẩm không có yêu cầu gì liên quan đến đất, chỉ đòi lại số tiền 650.000 USD.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng và kháng cáo của các đương sự: Vào năm 2011, do có nhu cầu đầu tư làm ăn tại Việt Nam nên ông C có chuyển cho ông C1số tiền 2.200.000USD để mua đất và thành lập Công ty M. Bị đơn là ông C1cũng thừa nhận ông C có vốn còn ông C1 không có nên thỏa thuận là ông C1 sẽ là người trực tiếp quản lý ở Việt Nam thay vì trả lương sẽ ăn chia 20% thành quả, vốn thì ông C đầu tư 100%. ông C1 cũng thừa nhận đã nhận số tiền nêu trên nhưng đã sử dụng hết số tiền để đầu tư lập Công ty M, trong đó:

- Thành lập Công ty TNHH Trà M, giấy chứng nhận đầu tư số 421043000815 cấp 07/11/2011. Do ông C làm giám đốc (Bút lục 508).

- Công ty TNHH Trà M đã được UBND tỉnh Lâm Đồng quyết định cho thuê đất diện tích 2.367m^2, thửa 920, tờ bản đồ số 10 tại xã L1, huyện B ngày 07/6/2012 (Bút lục 512-513)

- Giấy phép xây dựng ngày 03/8/2012 (Bút lục 511), xây dựng nhà xưởng 229m^2, đã xây dựng trên đất diện tích gần 500m^2 là 11 tỷ đồng. Gồm xây dựng cơ sở hạ tầng nhà, phòng, bếp, sân, bờ bao, trồng cây.

- Mua đất tại thôn 2, xã Lộc Bảo, huyện B 85ha đất rừng. Đã bỏ chi phí ra phá hoang, thuê máy múc, xây nhà kho, đào ao, trồng cây. Thuê khoán công đã hết 20 tỷ đồng.

- Mua công ty cổ phần H6(gọi tắt là công ty H6) ở 70C Đông Ba, Bình Hòa, xã T17, tỉnh Bình Dương. Để mục đích in, sản xuất bao bì, in ấn sản phẩm ngày 15/11/2011 giá 850.000.000USD đã đặt tiền cọc 700.000 USD còn 150.000USD hạn đến ngày 15/5/2012 thanh toán. Do ông Hsu Chien C không chuyển tiền nên bị mất tiền cọc. Phía công ty H6 yêu cầu trả tiền nhưng không có tiền giao (Bút lục 258).

- Mua đất cạnh quốc lộ 20 đường Trần Phú, thành phố B1 để làm trụ sở giao dịch. Lô đất của ông Hồ Việt P4, bà Nguyễn Thị Thúy P5, lô đất thuộc thửa 319, tờ bản đồ G.159.I.A diện tích ngang 10mx20m; giá 01 tỷ đồng, đã giao cọc 500.000.000 đồng còn 500.000.000đồng. Nhung ông Hsu Chieng C không chuyển tiền nên phải mất cọc. Nay đất đã bị chủ lấy lại giấy tờ chưa sang tên (Bút lục 256).

Như vậy, cả hai bên đều thừa nhận có việc ông C chuyển tiền và ông C1nhận tiền mục đích là để đầu tư thành lập Công ty M và thực tế thì ông C1đã sử dụng số tiền 2.200.000USD do ông C chuyển để thành lập Công ty M cho ông C, cụ thể: Công ty trách nhiệm hữu hạn trà M được thành lập ngày 07/11/2011 theo giấy chứng nhận đầu tư số số 421043000815 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp cho nhà đầu tư là ông Hsu Chien C, người đại diện theo pháp luật của Công ty M cũng là ông C(Bút lục 508); Ngày 07/6/2012, UBND tỉnh Lâm Đồng có quyết định số 1239/QĐ- UBND cho Công ty M thuê đất để thực hiện dự án đầu tư với diện tích đất là 2.367m^2 thuộc thửa 920, tờ bản đồ số 10, xã L1 (Bút lục 512-513); ngày 03/8/2012, Sở xây dựng tỉnh Lâm Đồng cấp giấy phép xây dựng số 106/GPXD cho Công ty M được xây dựng công trình thuộc dự án đầu tư sản xuất trà M với tổng diện tích xây dựng là 204m^2, diện tích sàn 679m^2 (Bút lục 511). Và thực tế thì công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư công ty Trà M đã được xây dựng, các máy móc thiết bị.. .cũng được mua sắm và công ty đã đi vào hoạt động. Công ty M từ khi thành lập cho đến nay vẫn do ông Hsu Chien C là chủ đầu tư và cũng là người đại diện theo pháp luật. Việc ông C1sử dụng số tiền 2.200.000USD để đầu tư và thành lập Công ty M cho ông C là có thật. Theo biên bản thẩm định giá ngày 29/12/2015 thì trị giá tài sản của Công ty M là 6.557.503.000đ trong đó quyền sử dụng đất là 875.790.000đ; công trình xây dựng là 5.462.844.810 đ; máy móc thiết bị là 218.868.000d (Bút lục 629-641). Ngoài ra, theo ông C1trình bày thì số tiền nhận từ ông C, ông C1đã sử dụng hết để dùng đầu tư thuê đất, xây dựng nhà xưởng, mua máy móc thiết bị, mua đất, mua công ty H6 để in ấn, xản suất bao bì....

Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh thu thập chứng cứ để làm rõ những trình bày của ông C1về việc đầu tư thành lập Công ty M nêu trên, chưa yêu cầu ông C trình bày ý kiến phản hồi của mình đối với ý kiến trình bày của ông C1, chưa tiến hành đối chất giữa ông C1 và ông C để làm rõ. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến việc ông C1 đã sử dụng số tiền 2.200.000USD để đầu tư thành lập Công ty M mà chỉ căn cứ vào việc ông C1thừa nhận có nhận số tiền 2.200.000USD và hiện nay ông C1đang quản lý Công ty M để tuyên buộc ông C2 phải trả cho ông C số tiền 2.200.000USD là không có cơ sở. Việc kinh doanh thua lỗ hay có lời, các bên phải chịu theo thỏa thuận.

Theo Công văn số 2661/PA72 ngày 21/12/2015 của Công an tỉnh Lâm Đồng về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của ông Hsu Chien C thể hiện thì từ ngày 08/3/2011 đến ngày 24/4/2012 ông C nhiều lần nhập cảnh vào Việt Nam và từ 24/4/2012 ông xuất cảnh đến nay chưa có thông tin nhập cảnh lại (Bút lục 120). Như vậy, căn cứ thông tin xuất nhập cảnh nêu trên thì thời gian ông C1 đầu tư thành lập Công ty M, ông C cũng có mặt tại Việt Nam. *Tại đơn xét xử không khởi tố của cơ quan Kiểm sát Viện kiểm sát Tòa án địa phương Tản Đài Bắc cổ thể hiện nội dung tường trình của ông C thì ông C tự ý đầu tư vào Việt Nam, do không hiểu rõ về Việt Nam nên mới giao tiền cho ông C1 để*

ông C1 hỗ trợ mua đất trồng trà, cà phê và mở công ty (Bút lục 835-848).

Điều này là phù hợp với lời trình bày của ông C1nhưng những chứng cứ này chưa đươc Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Mặt khác, ông C1cũng đồng ý giao lại toàn bộ tài sản của Công ty M cho ông C nhưng lại không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Lưu Yến N3 trình bày trong khối nhà của Công ty M thì có 1/2 căn nhà là nằm trên thửa đất 921 và thuộc quyền sở hữu của bà N3. Bà N3cho rằng 1/2 căn nhà của bà là được xây dựng từ tiền của ông C và sau đó ông C đã tặng cho bà và bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử hữu nhà vào năm 2012. Bà N3 cũng cung cấp chứng cứ là "Giấy tặng cho kỉ niệm" ngày 29/7/2011 có chữ ký của ông Hsu Chien C, nội dung thể hiện: *ông C cho bà N3 một nửa căn nhà, phần còn lại là căn nhà của ông C*(Bút lục 669). Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án thì người đại diện theo ủy quyền của ông C không biết có việc ông C tặng cho bà N31/2 căn nhà. Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa yêu cầu ông C trình bày ý kiến về nội dung này, cho đối chất để làm rõ.

Để xem xét yêu cầu khởi kiện của ông C, Tòa án cấp sơ thẩm cần phải xác minh làm rõ số tiền xây dựng 1/2 căn nhà nêu trên có phải được lấy từ số tiền 2.200.000USD mà ông C1nhận từ ông C hay không? có việc ông C tặng cho bà N31/2 căn nhà hay không? Nếu có việc 1/2 căn nhà được xây dựng từ số tiền ông C gửi cho ông C1và sau này ông C đã tặng cho bà N3thì cần xem xét trị giá 1/2 căn nhà để trừ vào số tiền mà ông C đã chuyển cho ông C1. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cũng không làm rõ những vấn đề nêu trên để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Theo các đơn khởi kiện của ông C thì ông chỉ khởi kiện đối với ông C1và ông L3(Bút lục 35, 288), không có văn bản tài liệu nào có chữ ký của ông C thể hiện khởi kiện đối với bà N3. Cũng không có tài liệu chứng cứ nào trong hồ sơ thể hiện bà N3 có liên quan đến số tiền 2.200.000USD mà ông C chuyển cho ông C1 để đầu tư tại Việt Nam. Đối với 1/2 căn nhà nằm cùng trong khối nhà của Công ty M thì bà N3 trình bày bà được ông C tặng cho bà và bà đã được cấp quyền sở hữu (Bút lục 669, 915). Hồ sơ vụ án cũng không có chứng cứ nào thể hiện ông C có tranh chấp với bà N3về 1/2 căn nhà. Trong khi đó, bà N3 và ông C1 sống chung với nhau không đăng ký kết hôn, không phải là vợ chồng theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên buộc bà N3 phải có nghĩa vụ liên đới cùng với C2 trả cho ông C số tiền 2.200.000 USD là chưa đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

Ông C khởi kiện yêu cầu ông L3 phải trả số tiền 650.000 USD để mua đất tại Việt Nam. Lý do: ông Tseng Teng L3đ ã nhận tiền của ông tổng cộng 650.000 USD để mua đất ở Việt Nam cho Công ty TNHH Trà M sử dụng nhưng cho đến nay ông Tseng Teng L3 không mua đất cho Công ty TNHH Trà M cũng không trả tiền lại cho ông (Bút lục 288).

Theo ông C thì trong tổng số tiền 2.850.000USD ông chuyển về Việt Nam để đầu tư thì có 650.000USD là chuyển cho ông L3, ông L3 đã nhận nhưng không đầu tư mua đất thành lập công ty cho ông C, ông L3 thừa nhận có nhận số tiền 650.000USD nhưng ông L3cho rằng số tiền này là do ông C mượn tài khoản của ông để ông C và người nhà của ông C chuyển sang Việt Nam cho ông C sau đó ông L3 rút tiền và đã đưa lại cho ông C. Mặc dù ông L3 không có chứng cứ gì thể hiện đã chuyển lại số tiền cho ông C, tuy nhiên căn cứ Đơn xét xử không khởi tố của Cơ quan Kiểm sát Viện kiểm sát tòa án địa phương T2 Đài Loan (Bút lục 835-848) thể hiện: *ông Ctố cáo ông C1 có hành vi lừa đảo, gian lận giấy tờ, theo chứng cứ này thì ông C xác định từ ngày 13/4/2011 đến ngày 25/4/2012 ông C có chuyển cho ông C1 số tiền 2.850.000USD để đầu tư tại Việt Nam mà không hề tố cáo hay đề cập gì đến ông L3.* Trong khi đó, ông C1cũng xác nhận ông chính là người nhận số tiền 2.850.000USD nêu trên do ông C chuyển. Tại bản cam kết ngày 01/8/2017 (Bút lục 833), ông C1 cam kết làm chứng việc ông L3 không lấy số tiền 650.000USD của ông C mà ông C chỉ mượn tài khoản của ông L3 để chuyển tiền, sau đó ông C, ông C1và ông L3 đã cùng nhau đến ngân hàng rút tiền để mang về B1 trả tiền đất. Do đó, Tòa án xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C về việc yêu cầu ông L3 phải trả số tiền 650.000USD là hoàn toàn không có căn cứ.

Về việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản của Công ty Trà T8 (do ông L3 là chủ sở hữu công ty): Theo đơn khởi kiện của ông C thì ông chỉ yêu cầu ông L3 trả số tiền 650.000USD (Bút lục 288), không có văn bản nào có chữ ký của ông C thể hiện ông yêu cầu ông L3 phải giao tài sản là Công ty Trà T8. Như vậy, Công ty Trà T8 không phải là đối tượng tranh chấp nhưng ngày 17/12/2015 Tòa án có quyết định số 23/2015/QĐ-BPKCTT ngày 17/12/2015 cấm chuyển dịch quyền về tài sản và kê biên tài sản đang tranh chấp đối với tài sản của Công ty Trà T8 là không đúng quy định tại Điều 108, 109 BLTTDS năm 2004, làm thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Công ty Trà T8. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận định ông L3 phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông C số tiền 650.000USD nên đã quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản của Công ty Trà T8. việc ông C yêu cầu ông L3 phải trả số tiền 650.000USD là không có căn cứ để chấp nhận nên việc Hội đồng xét xử không hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mà thay đổi quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ là không đúng quy định nên cần hủy bỏ.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Hồ Việt P4 và bà Nguyễn Thị Thúy P5 về việc yêu cầu ông C giao nhà đất và hoàn thành thủ tục pháp lý sang tên cho ông bà thửa 920, tờ bản đồ số 10 tại thôn 7, xã L1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng: Để chứng minh cho yêu cầu của mình, ông P4 cung cấp chứng cứ là văn bản "Thỏa thuận về nợ nần và biên bản về bàn giao nhà đất" ngày 15/4/2012 (Bút lục 814-815) trong đó có thể hiện nội dung ông Ct hỏa thuận giao nhà đất 920, tờ bản đồ số 10 tại thôn 7, xã L1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (là tài sản của Công ty M) cho ông P4 để cấn trừ khoản nợ mà ông P4 đã trả thay cho ông C do ông C đầu tư

làm ăn tại Việt Nam thua lỗ. Xét thấy, chứng cứ do ông P4 cung cấp được viết bằng tiếng Việt, theo ông P4 thì chữ viết bằng tiếng Việt là do ông P4 viết còn chữ ký bằng tiếng Trung dưới mục người xác nhận nợ và bàn giao là chữ ký của ông C. Ông C chỉ ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Bích T3 tham gia tố tụng và thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng đối với việc khởi kiện ông C1và ông L3, còn đối với yêu cầu độc lập của ông P4 với ông C- đây là tranh chấp quan hệ pháp luật khác được giao kết giữa ông C và ông P4 nhưng ông C chưa ủy quyền cho bà T3. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không yêu cầu ông C bổ sung thủ tục ủy quyền cũng không yêu cầu ông C trình bày về yêu cầu của ông P4. Không tiến hành xác minh làm rõ có việc thỏa thuận giữa ông C và ông P4 hay không? Chữ ký tại văn bản thỏa thuận có phải là của ông C hay không? Các thủ tục tố tụng đối với yêu cầu độc lập của ông P4 do bà T3 đại diện là không đúng quy định, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Trong khi đó, bà T3 trình bày bà không biết có việc ông C nợ và thỏa thuận bàn giao nhà đất cho ông P4. Tòa án không thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, không xác minh thu thập chứng *cứ* nhưng lại tuyên bác yêu cầu của ông P4, bà P5 là không có căn cứ.

Về việc xác định trị giá tài sản tranh chấp và nghĩa vụ chịu án phí của ông P4, bà P5*:* ông P4, bà P5 tranh chấp với ông C diện tích đất 2.367m^2 và căn nhà trên đất có diện tích xây dựng 204m^2, diện tích sàn 672m^2 thuộc thửa 920, tờ bản đồ số 10, xã L1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (là nhà đất trụ sở của Công ty M). Bản án sơ thẩm căn cứ chứng thư thẩm định giá ngày 29/12/2015, xác định giá trị tài sản tranh chấp là 6.338.634.810 đ và buộc ông P4, bà P5 phải chịu án phí trên giá trị tài sản nêu trên. Tuy nhiên, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: trong khối nhà của Công ty M có 1/2 căn nhà là nằm trên thửa đất 921 và thuộc quyền sở hữu của bà N3theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hũu nhà và tài sản gắn liền với đất số BL121677 do UBND huyện B cấp ngày 21/8/2012. Trong đó diện tích xây dựng là 204m^2, diện tích sàn 612m^2 (Bút lục 915). Tại chứng thư thẩm định giá ngày 29/12/2015 đã định giá phần nhà ở có diện tích 1.331m^2 (trong khi đó diện tích sàn căn nhà ông P4, bà P5 có tranh chấp chỉ là 672m^2) (Bút lục 631). Như vậy, chứng thư thẩm định giá nêu trên đã định giá toàn bộ khối nhà trong đó có 1/2 căn nhà của bà N3. Khi xác định giá trị tài sản tranh chấp giữa ông P4, bà P5 với ông C, Tòa án đã không xem xét trừ đi phần trị giá 1/2 căn nhà của bà N3mà xác định tổng giá trị theo chứng thư thẩm định giá và xác định giá trị tài sản tranh chấp là 6.338.634.810 đ và buộc ông P4, bà P5 phải chịu án phí trên giá trị tài sản này là không đúng quy định, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông P4, bà P5.

Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, chấp nhận kháng cáo của các đương sự, hủy án sơ

thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Lee Wang C1(Lee Wan C1– còn gọi Lý Vạn C2) và ông Tseng Teng L3(còn gọi là Tăng Đăng L4) là bị đơn; Bà Lưu Yến N3; ông Hồ Việt P4 và bà Nguyễn Thị Thúy P5; Công ty TNHH Trà T8 là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Do mối quan hệ quen biết nên tháng 4/2011 nguyên đơn đồng ý đầu tư với ông Lee Wang C1 kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp vườn trà tại Việt Nam. Từ ngày 13/4/2011 đến ngày 25/4/2012 ông Hsu Chien C chuyển vào tài khoản ông C và ông L3 là 2.850.000 USD tại Ngân hàng Indovina chi nhánh quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể: Ngày 21/3/2012 gửi 100.000USD; ngày 28/7/2011 gửi 200.000 USD vào tài khoản số 6272156 của ông Hsu Chien C; ngày 13/4/2011 gửi 200.000 USD gửi vào tài khoản số 6259774001 của ông Lee Wang C1(Lee Wan C1– còn gọi Lý Vạn C2); ngày 25/4/2012 gửi 200.000 USD; ngày 03/11/2011 gửi 200.000 USD; ngày 21/3/2012 gửi 100.000 USD; ngày 02/11/2011 gửi 300.000 USD; ngày 29/7/2011 gửi 200.000 USD; ngày 21/7/2011 gửi 100.000 USD; ngày 19/7/2011 gửi 100.000 USD; ngày 18/7/2011 gửi 100.000 USD; ngày 25/7/2011 gửi 100.000 USD; ngày 27/7/2011 gửi 100.000 USD; ngày 29/7/2011 gửi 100.000 USD; ngày 03/8/2011 gửi 100.000 USD; ngày 20/7/2011 gửi 100.000 USD vào tài khoản số 6272156 của ông Hsu Chien C. Toàn bộ số tiền chuyển vào tài khoản của ông Hsu Chien C thì ông Cl àm văn bản ủy quyền cho ông Lee Wang C1(Lee Wan C1– còn gọi Lý Vạn C2) đến ngân hàng rút tiền, mục đích gửi tiền là để đầu tư xây dựng nhà xưởng, mua đất để trồng trà, cà phê tại huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

[2.2] Bị đơn là ông C1cũng thừa nhận ông C có vốn còn ông C1không có nên thỏa thuận là ông C1sẽ là người trực tiếp quản lý ở Việt Nam thay vì trả lương sẽ ăn chia 20% thành quả, vốn thì ông C đầu tư 100%. ông C1cũng thừa nhận đã nhận số tiền nêu trên nhưng đã sử dụng hết số tiền để đầu tư lập Công ty M, trong đó:

- Thành lập Công ty TNHH Trà M, giấy chứng nhận đầu tư số 421043000815 cấp 07/11/2011. Do ông Clàm giám đốc (Bút lục 508).

- Công ty TNHH Trà M đã được UBND tỉnh Lâm Đồng quyết định cho thuê đất diện tích 2.367m^2, thửa 920, tờ bản đồ số 10 tại xã L1, huyện B ngày

07/6/2012 (Bút lục 512-513)

- Giấy phép xây dựng ngày 03/8/2012 (Bút lục 511), xây dựng nhà xưởng 229m^2, đã xây dựng trên đất diện tích gần 500m^2 là 11 tỷ đồng. Gồm xây dựng cơ sở hạ tầng nhà, phòng, bếp, sân, bờ bao, trồng cây.

- Mua đất tại thôn 2, xã Lộc Bảo, huyện B 85ha đất rừng. Đã bỏ chi phí ra phá hoang, thuê máy múc, xây nhà kho, đào ao, trồng cây. Thuê khoán công đã hết 20 tỷ đồng.

- Mua công ty cổ phần H6(gọi tắt là công ty H6) ở 70C Đông Ba, Bình Hòa, xã T17, tỉnh Bình Dương. Để mục đích in, sản xuất bao bì, in ấn sản phẩm ngày 15/11/2011 giá 850.000.000USD đã đặt tiền cọc 700.000 USD còn 150.000USD hạn đến ngày 15/5/2012 thanh toán. Do ông Hsu Chien C không chuyển tiền nên bị mất tiền cọc. Phía công ty H6 yêu cầu trả tiền nhưng không có tiền giao (Bút lục 258).

- Mua đất cạnh quốc lộ 20 đường Trần Phú, thành phố B1 để làm trụ sở giao dịch. Lô đất của ông Hồ Việt P4, bà Nguyễn Thị Thúy P5, lô đất thuộc thửa 319, tờ bản đồ G.159.I.A diện tích ngang 10mx20m; giá 01 tỷ đồng, đã giao cọc 500.000.000 đồng còn 500.000.000đồng. Nhung ông Hsu Chieng Cheng không chuyển tiền nên phải mất cọc. Nay đất đã bị chủ lấy lại giấy tờ chưa sang tên (Bút lục 256).

Như vậy, cả hai bên đều thừa nhận có việc ông C chuyển tiền và ông C1 nhận tiền mục đích là để đầu tư thành lập Công ty M và thực tế thì ông C1 đã sử dụng số tiền 2.200.000USD do ông C chuyển để thành lập Công ty M cho ông C, cụ thể: Công ty trách nhiệm hữu hạn trà M được thành lập ngày 07/11/2011 theo giấy chứng nhận đầu tư số số 421043000815 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp cho nhà đầu tư là ông Hsu Chien Cheng, người đại diện theo pháp luật của Công ty M cũng là ông C (Bút lục 508); Ngày 07/6/2012, UBND tỉnh Lâm Đồng có quyết định số 1239/QĐ- UBND cho Công ty M thuê đất để thực hiện dự án đầu tư với diện tích đất là 2.367m^2 thuộc thửa 920, tờ bản đồ số 10, xã L1 (Bút lục 512-513); ngày 03/8/2012, Sở xây dựng tỉnh Lâm Đồng cấp giấy phép xây dựng số 106/GPXD cho Công ty M được xây dựng công trình thuộc dự án đầu tư sản xuất trà M với tổng diện tích xây dựng là 204m^2, diện tích sàn 679m^2 (Bút lục 511). Và thực tế thì công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư công ty Trà M đã được xây dựng, các máy móc thiết bị.. .cũng được mua sắm và công ty đã đi vào hoạt động. Công ty M từ khi thành lập cho đến nay vẫn do ông Hsu Chien C là chủ đầu tư và cũng là người đại diện theo pháp luật. Việc ông C1 sử dụng số tiền 2.200.000USD để đầu tư và thành lập Công ty M cho ông C là có thật. Theo biên bản thẩm định giá ngày 29/12/2015 thì trị giá tài sản của Công ty M là 6.557.503.000đ trong đó quyền sử dụng đất là 875.790.000đ; công trình xây dựng là 5.462.844.810 đ; máy móc thiết bị là 218.868.000d (Bút lục 629-641). Ngoài ra, theo ông C1trình bày thì số tiền nhận từ ông C, ông C1đã sử dụng hết để dùng đầu tư thuê đất, xây dựng nhà xưởng, mua máy móc thiết bị, mua đất,

mua công ty H6 để in ấn, xản suất bao bì....

[2.3] Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, cụ thể như sau:

[2.3.1] Chưa xác minh thu thập chứng cứ và cho đối chất để làm rõ những trình bày của ông C1 về việc đầu tư thành lập Công ty M, chưa yêu cầu ông C trình bày ý kiến phản hồi của mình đối với ý kiến trình bày của ông C1. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến việc ông C1 đã sử dụng số tiền 2.200.000USD để đầu tư thành lập Công ty M mà chỉ căn cứ vào việc ông C1thừa nhận có nhận số tiền 2.200.000USD và hiện nay ông C1 đang quản lý Công ty M để tuyên buộc ông C2 phải trả cho ông C số tiền 2.200.000USD. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng nếu các bên có tranh chấp về nhà đất cũng như yêu cầu thanh toán hoa lợi từ việc đầu tư kinh doanh của Công ty TNHH Trà M thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi có đơn yêu cầu là không đúng. Các vấn đề này phải giải quyết chung trong một vụ án mới toàn diện, đúng bản chất.

[2.3.2] Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện: Theo các đơn khởi kiện của ông C thì ông chỉ khởi kiện đối với ông C1và ông L3(Bút lục 35, 288), không có văn bản tài liệu nào có chữ ký của ông C thể hiện khởi kiện đối với bà N3. Đối với 1/2 căn nhà nằm cùng trong khối nhà của Công ty M thì bà N3trình bày bà được ông C tặng cho bà và bà đã được cấp quyền sở hữu (Bút lục 669, 915). Hồ sơ vụ án cũng không có chứng cứ nào thể hiện ông C có tranh chấp với bà N3 về 1/2 căn nhà nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên buộc bà N3 phải có nghĩa vụ liên đới cùng với C2 trả cho ông C số tiền 2.200.000 USD.

[2.3.3] Ông C chỉ ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Bích T3 tham gia tố tụng và thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng đối với việc khởi kiện ông C1 và ông L3, còn đối với yêu cầu độc lập của ông P4 với ông C- đây là tranh chấp quan hệ pháp luật khác được giao kết giữa ông C và ông P4 nhưng ông C chưa ủy quyền cho bà T3. Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu ông C bổ sung thủ tục ủy quyền cũng không yêu cầu ông C trình bày về yêu cầu của ông P4. Không tiến hành xác minh làm rõ có việc thỏa thuận giữa ông C và ông P4 hay không? Chữ ký tại văn bản thỏa thuận có phải là của ông C hay không? Tòa án không thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, không xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ nhưng lại tuyên bác yêu cầu của ông P4, bà P5.

[2.4] Nội dung vụ án còn mâu thuẫn, không cho tiến hành đối chất để làm rõ, cụ thể:

[2.4.1] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định trong quá trình kinh doanh Công ty TNHH Trà M thì ông C1, bà N3 là người đứng ra điều hành công ty, thu lợi từ việc kinh doanh công ty. Theo ông C1do ông C có vốn còn ông không có nên ông C1 và ông C thỏa thuận là ông sẽ là người trực tiếp quản lý ở Việt Nam thay vì trả lương sẽ ăn chia 20% thành quả, tiền vốn thì ông Hsu Chien C đầu tư 100%, nhưng không có văn bản nào chứng minh cho thỏa thuận này và ông C

cũng không thừa nhận. Ông C1v à bà N3 đều xác nhận sau khi rút toàn bộ số tiền 2.200.000 USD tại ngân hàng thì ông bà sử dụng để đầu tư làm nhà xưởng và mua đất trồng trà tại huyện B, còn ông Ct hì không tham gia vào các giao dịch nói trên. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông C1và bà N 3phải thanh toán toàn bộ số tiền 2.200.000USD cho ông C: Theo ông C1trình bày thì việc đầu tư, kinh doanh, xây dựng đều do ông C chỉ đạo. Sau đó, ông C bỏ về nước và không quay lại Việt Nam nên ông C1phải đứng ra quản lý Công ty M từ đó đến nay (Bút lục 810). Thông tin xuất nhập cảnh của ông Hsu Chien C thể hiện thì từ ngày 08/3/2011 đến ngày 24/4/2012 ông C nhiều lần nhập cảnh vào Việt Nam và từ 24/4/2012 ông xuất cảnh đến nay chưa có thông tin nhập cảnh lại (Bút lục 120). Như vậy, căn cứ thông tin xuất nhập cảnh nêu trên thì thời gian ông C1đầu tư thành lập Công ty M, ông C cũng có mặt tại Việt Nam. *Tại đơn xét xử không khởi tố của cơ quan Kiểm sát Viện kiểm sát Tòa án địa phương Tản Đài Bắc cổ thể hiện nội dung tường trình của ông C thì ông C tự ý đầu tư vào Việt Nam, do không hiểu rõ về Việt Nam nên mới giao tiền cho ông C1để ông C1hỗ trợ mua đất trồng trà, cà phê và mở công ty* (Bút lục 835-848). Điều này là phù hợp với lời trình bày của ông C1nhưng những chứng cứ này chưa đươc Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Mặt khác, ông C1cũng đồng ý giao lại toàn bộ tài sản của Công ty M cho ông C nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận.

[2.4.2] Bà Lưu Yến N3 trình bày trong khối nhà của Công ty M thì có 1/2 căn nhà là nằm trên thửa đất 921 và thuộc quyền sở hữu của bà N3. Bà N3 cho rằng 1/2 căn nhà của bà là được xây dựng từ tiền của ông C và sau đó ông C đã tặng cho bà và bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử hữu nhà vào năm 2012. Bà N3 cũng cung cấp chứng cứ là "Giấy tặng cho kỉ niệm" ngày 29/7/2011 có chữ ký của ông Hsu Chien C, nội dung thể hiện: *ông C cho bà N 3một nửa căn nhà, phần còn lại là căn nhà của ông C*(Bút lục 669). Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án thì người đại diện theo ủy quyền của ông C không biết có việc ông C tặng cho bà N3 1/2 căn nhà. Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa yêu cầu ông C trình bày ý kiến về nội dung này, cho đối chất để làm rõ. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ số tiền xây dựng 1/2 căn nhà nêu trên có phải được lấy từ số tiền 2.200.000USD mà ông C1nhận từ ông C hay không? có việc ông C tặng cho bà N31/2 căn nhà hay không? Nếu có việc 1/2 căn nhà được xây dựng từ số tiền ông C gửi cho ông C1 và sau này ông C đã tặng cho bà N3 thì cần xem xét trị giá 1/2 căn nhà để trừ vào số tiền mà ông C đã chuyển cho ông C1.

[2.4.3] Ông C khởi kiện yêu cầu ông L3 phải trả số tiền 650.000 USD để mua đất tại Việt Nam. Lý do: ông Tseng Teng L3 đã nhận tiền của ông tổng cộng 650.000 USD để mua đất ở Việt Nam cho Công ty TNHH Trà M sử dụng nhưng cho đến nay ông Tseng Teng L3 không mua đất cho Công ty TNHH Trà M cũng không trả tiền lại cho ông (Bút lục 288). Theo nguyên đơn thì nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của ông L3 mở tại Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Indovina chi nhánh Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, tổng cộng ông C cũng

như người nhà của ông C chuyển vào tài khoản số 671235001 của ông Tseng Teng L3 mở tại Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Indovina chi nhánh Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt Ngân hàng Indovina) là 650.000USD để đầu tư vào Việt Nam. Theo ông C thì ông L3 đã rút số tiền trên nhưng không đưa lại cho ông C mà lại đầu tư vào Công ty TNHH Trà T8. Ông L3 cũng thừa nhận tài khoản số 671235001 của ông Tseng Teng L3 mở tại Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Indovina chi nhánh Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt Ngân hàng Indovina). Và ông có cho ông C mượn số tài khoản trên để ông C cũng như người nhà của ông C(là ông Hsu Chien C3 và ông Hsu Chain C4) chuyển tiền vào Việt Nam cho ông C với số tiền 650.000USD. Tuy nhiên, ông L3 cho rằng ông đã rút tiền và giao cho ông C tại Thành phố Hồ Chí Minh và tại huyện B, tỉnh Lâm Đồng toàn bộ 650.000 USD, nhưng khi giao lại số tiền 650.000 USD cho ông C do tin tưởng nên không làm giấy tờ giao nhận tiền, còn ông C thì không thừa nhận việc ông L3 giao tiền.

Các giấy đề nghị chuyển tiền thể hiện như sau: giấy đề nghị chuyển tiền ngày 23/5/2011, ông Hsu Chien C3 chuyển vào tài khoản số 671235001 của ông Tseng Teng L3 số tiền 150.000USD *(người đề nghị chuyển tiền là ông C chuyển sang Việt Nam mua đất)*, người thụ hưởng là ông Tseng Teng L3(Bút lục 52); giấy đề nghị chuyển tiền ngày 24/5/2011, ông Hsu Chien C chuyển vào tài khoản số 671235001 của ông Tseng Teng L3 số tiền 150.000USD, người thụ hưởng là ông Tseng Teng L3(Bút lục 53); theo giấy đề nghị chuyển tiền ngày 04/7/2011, ông Hsu Chien C3 chuyển vào tài khoản số 671235001 của ông Tseng Teng L3số tiền 200.000USD *(người đề nghị chuyển tiền là ông C chuyển sang Việt Nam mua đất)*, người thụ hưởng là ông Tseng Teng L3(Bút lục 51); ngày 05/7/2011, ông Hsu Chien C3 chuyển tiền vào tài khoản số 671235001 của ông Tseng Teng L3số tiền 150.000USD *(người đề nghị chuyển tiền là ông C chuyển sang Việt Nam mua đất)*, người thụ hưởng là ông Tseng Teng L3(Bút lục 50). Tổng cộng là 650.000.000USD.

Theo Công văn số 111/IVB-TB/2015 ngày 16/11/2015 (Bút lục 225) và Công văn số 103/IVB-TB/2015 ngày 26/10/2015 (Bút lục 235-236) kèm theo các bản sao kê (Bút lục 210-224 và 229-234) đều của Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Indovina chi nhánh Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt Ngân hàng Indovina) thể hiện ông Tseng Teng L3 đã rút tiền cụ thể: Từ ngày 25/5/2011 đến ngày 30/6/2011 (Bút lục 233) ông Tseng Teng L3 rút số tiền 149.955 USD; từ ngày 23/5/2011 đến ngày 24/5/2011 (Bút lục 224) ông Tseng Teng L3 rút số tiền 149.995 USD; từ ngày 04/7/2011 đến ngày 08/7/2011 (Bút lục 223) ông Tseng Teng L3 rút số tiền 150.220 USD; ngày 09/9/2011 (Bút lục 222) ông Tseng Teng L3 rút số tiền 30.066 USD; ngày 14/11/2011 (Bút lục 221) ông Tseng Teng L3 rút số tiền 20.044 USD; ngày 26/6/2012 (Bút lục 220)

ông Tseng Teng L3 rút số tiền 45.099 USD; ngày 24/8/2012 (BL 219) ông Tseng Teng L3 rút số tiền 18.039,60 USD; ngày 06/11/2012 (Bút lục 218) ông Tseng Teng L3 rút số tiền 10.022 USD; ngày 27/3/2013 (Bút lục 217) ông Tseng Teng L3 rút số tiền 52.004,40 USD; ngày 15/4/2013 (Bút lục 216) ông Tseng Teng L3 rút số tiền 15.033 USD; ngày 24/5/2013 (Bút lục 215) ông Tseng Teng L3 rút số tiền 3.006,60 USD; ngày 12/7/2013 (Bút lục 214) ông Tseng Teng L3 rút số tiền 1.503,30 USD; ngày 11/11/2013 (Bút lục 213) ông Tseng Teng L3 rút số tiền 2.605,72 USD; ngày 28/11/2014 (Bút lục 212) ông Tseng Teng L3 rút số tiền 4.000USD; Tổng cộng ông Tseng Teng L3 rút số tiền 651.553,62 USD từ tài khoản số 671235001 đều của Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Indovina chi nhánh Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Như vậy, ông C cũng như ông Hsu Chien C3(theo yêu cầu của ông Hsu Chien C) chuyển tiền cho ông Hsu Chien C thông qua tài khoản số 671235001 của ông Tseng Teng L3 tổng số tiền 650.000 USD là phù hợp theo lời trình bày của nguyên đơn cũng như bị đơn ông L3 thừa nhận.

Theo ông C thì trong tổng số tiền 2.850.000USD ông chuyển về Việt Nam để đầu tư thì có 650.000USD là chuyển cho ông L3, ông L3 đã nhận nhưng không đầu tư mua đất thành lập công ty cho ông C, ông L3 thừa nhận có nhận số tiền 650.000USD nhưng ông L3 cho rằng số tiền này là do ông C mượn tài khoản của ông để ông C và người nhà của ông C chuyển sang Việt Nam cho ông C sau đó ông L3 rút tiền và đã đưa lại cho ông C. Mặc dù ông L3 không có chứng cứ gì thể hiện đã chuyển lại số tiền cho ông C, tuy nhiên căn cứ Đơn xét xử không khởi tố của Cơ quan Kiểm sát Viện kiểm sát tòa án địa phương T2 Đài Loan (Bút lục 835-848) thể hiện: *ông C tố cáo ông C1có hành vi lừa đảo, gian lận giấy tờ, theo chứng cứ này thì ông C xác định từ ngày 13/4/2011 đến ngày 25/4/2012 ông C có chuyển cho ông C1số tiền 2.850.000USD để đầu tư tại Việt Nam mà không hề tố cáo hay đề cập gì đến ông L3.* Trong khi đó, ông C1cũng xác nhận ông chính là người nhận số tiền 2.850.000USD nêu trên do ông C chuyển. Tại bản cam kết ngày 01/8/2017 (Bút lục 833), ông C1c am kết làm chứng việc ông L3 không lấy số tiền 650.000USD của ông C mà ông C chỉ mượn tài khoản của ông L3 để chuyển tiền, sau đó ông C, ông C1và ông L3 đã cùng nhau đến ngân hàng rút tiền để mang về B1 trả tiền đất. .

Tòa án cấp sơ thẩm cần cho đối chất giữa ông C, ông C1và ông L3 để làm rõ tại sao khi ông C tố cáo ông C2 về hành vi lừa đảo, gian lận giấy tờ số tiền 2.850.000USD lại không đề cập đến ông L3 để từ đó mới có đủ cơ sở chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của ông C và đánh giá việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản của Công ty Trà T8 (do ông L3 là chủ sở hữu công ty):

[2.4.4] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm cần xem xét nguồn tiền của ông C chuyển tiền vào Việt Nam để đầu tư thông qua ông C1và ông L3 có hợp pháp hay không để đánh giá và giải quyết vụ án đúng pháp luật.

[2.5] Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Các vấn đề nêu trên không thể bổ sung tại Tòa án cấp phúc thẩm được nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, chấp nhận kháng cáo của các đương sự, hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng và kháng cáo của ông Lee Wang C1(Lee Wan C1– còn gọi Lý Vạn C2) và ông Tseng Teng L3(còn gọi là Tăng Đăng L4); Bà Lưu Yến N3; Ông Hồ Việt P4, bà Nguyễn Thị Thúy P5 và Công ty TNHH Trà T8.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân tỉnh Lâm Đồng. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giải quyết sơ thẩm lại theo quy định pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Hoàn tạm nộp án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng cho ông Tseng Teng L3(còn gọi là Tăng Đăng L4) theo Biên lai thu số 0015809 ngày 21/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Hoàn tạm nộp án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Thúy P5 theo Biên lai thu số 0015808 ngày 19/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Hoàn tạm nộp án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng cho bà Lưu Yến N3 theo Biên lai thu số 0015806 ngày 19/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Hoàn tạm nộp án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng cho ông Lee Wang C1theo Biên lai thu số 0015805 ngày 19/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Hoàn tạm nộp án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng cho ông Hồ Việt P4 theo Biên lai thu số 0015807 ngày 19/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Hoàn tạm nộp án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng cho Công ty TNHH Trà T8 theo Biên lai thu số 0015804 ngày 18/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao(1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh(1);
- TAND tỉnh Lâm Đồng(1);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng(1);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng(1);
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng(1);
- Đương sự(6);
- Lưu VP(3), HS(1), 18b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương